

Nguyễn Bính, nhà thơ của nhiều thời

Nguyễn Bính, nhà thơ của nhiều thời

08/08/2020

Tác giả: **Bùi Mạnh Nhị**

1.

Từ khi xuất hiện trong phong trào Thơ mới cho đến nay, Nguyễn Bính đã và chắc chắn vẫn sẽ luôn thuộc các nhà thơ có lượng độc giả đông đảo nhất. “Người Việt Nam còn yêu thơ Nguyễn Bính mãi, càng văn minh hiện đại lại càng trân trọng” (Vũ Quần Phương)... Điều gì làm nên kỳ diệu ấy?

Có nhiều cách trả lời

Rằng, thơ Nguyễn Bính có “một điều quý vô ngần: *hồn xưa của đất nước*” (Hoài Thanh).

Rằng, “So với các nhà thơ lãng mạn trước đây, Nguyễn Bính đứng riêng một cõi” (Lê Đình Ky) v.v...



Xin nói thêm: Thơ Nguyễn Bính không bao giờ cũ. Nguyễn Bính là nhà thơ của nhiều thời. Vì ông luôn là khác biệt. Khác biệt một cách gần gũi. Gần gũi một cách khác biệt. Tận sâu nhất của thơ Nguyễn Bính không chỉ là hồn dân tộc, mà còn là “giọng nói của toàn nhân loại thức dậy” qua giọng nói của một con người, một cá nhân. Nói cách khác, thơ Nguyễn Bính “dường như nói bằng hàng nghìn giọng, mê đắm và thuyết phục, nó nâng cái mô-típ từ chỗ ngẩn ngơ một lần và tạm thời lên chỗ tột tại muôn đời”.

2.

Nguyễn Bính luôn là như thế, trước hết, ngay từ cách nhà thơ đến với hiện đại.

Trong thời kỳ này sinh và phát triển của thơ mới (từ năm 1932 đến năm 1945), “Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ”. Bởi giờ, vấn đề đặt ra cho quá trình tiếp biến văn hóa với phương Tây, chủ yếu là với Pháp, không còn là sự lựa chọn giữa canh tân và thủ cựu, mà là đổi mới như thế nào, theo chiều hướng nào. Trong lúc Âu hóa vừa là xu thế vừa là ưu thế của đổi mới theo chiều rộng lẫn chiều sâu, với những nhà thơ rất tiêu biểu như Xuân Diệu “mới nhất trong các nhà Thơ mới”, Hàn Mặc Tử “lạ nhất trong các nhà Thơ mới”, Chế Lan Viên “không thể lấy kích thước thường mà hồng đo được” (Hoài Thanh), thì “người nhà quê Nguyễn Bính vẫn ngang nhiên sống như thường”, thơ Nguyễn Bính vẫn là “tiếng nói vui buồn của tâm hồn dân gian muôn thuở”. Thơ ông bổ sung một minh chứng rất sâu sắc và lý thú, thuyết phục về quy luật của mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, văn hóa dân gian và văn hóa dân tộc. Trong mối quan hệ này, văn học dân gian, văn hóa dân gian luôn là nền tảng, cơ sở, là văn học “mẹ”, văn hóa “mẹ”. Trong thời kỳ của Thơ mới, chính văn học dân gian, văn hóa dân gian, đất quê, hồn quê, đã dẫn Nguyễn Bính đến với hiện đại một cách đầy thuyết phục... Cách Nguyễn Bính đến với hiện đại thêm một lần làm sáng tỏ luận đề triết học: “Truyền thống là người lính canh của tinh thần nhân loại... Không có tâm linh nằm ngoài truyền thống”.

Thơ Nguyễn Bính đặc biệt truyền thống, mà vẫn mới, vẫn riêng. Ông đã làm mới mê hồn thơ lục bát và thơ thất ngôn theo cách của ông. Nói về những nhà thơ tiêu biểu cho thơ lục bát, người ta sẽ, ngay lập tức, đi thẳng từ ca dao, Nguyễn Du đến Nguyễn Bính, như một mặc định. Đặc biệt, cùng với các nhà Thơ mới khác, Nguyễn Bính đã đưa cái tôi cá nhân, cũng là cái tôi của thời đại, cái tôi của nhân loại vào thơ, tự nhiên nhi nhĩ, góp phần quan trọng đưa văn học Việt Nam “thực hiện một chuyển

dịch quan trọng: vượt khỏi phạm vi khu vực để tiến vào thế giới". Cái tôi ấy, vào những năm tháng đất nước dồn tất cả sức mạnh vào cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, tất nhiên sẽ không phù hợp. Nhưng khi cuộc sống trở lại trạng thái bình thường, nó lại tìm được những đường vọng để hiệu thêm một thời và con người. "Thơ Nguyễn Bính thuộc trường hợp hiếm hoi..., bởi vì trong cuộc cọ xát cũ mới ấy, đã bộc lộ những sâu sắc trong tâm hồn không chỉ của một cá nhân, mà của một dân tộc, không chỉ của một thời, mà, có lẽ, của nhiều thời...". Cũng nhờ đó, Nguyễn Bính có các tập thơ hay (chẳng hạn, những tập thơ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), những bài thơ hay (*Lỡ bước sang ngang, Tương tư, Lòng mẹ, Chân quê, Cô hái mơ, Mưa xuân, Hoa cỏ may, Qua nhà, Thư cho thầy mẹ, Chờ nhau*, v.v...) và hàng trăm câu thơ tuyệt bút như thơ trời đất, quở thiên cho...

3.

Một trong những nguyên nhân chính để Nguyễn Bính là nhà thơ của nhiều thời là thơ ông thể hiện rất đặc sắc rất nhiều cảm xúc kết tinh từ những mô thức tâm lý. *Từ điển văn học* giải thích: "Cảm xúc là khái niệm dùng để chỉ những cảm của các biểu tượng, các cấu trúc tinh thần bẩm sinh, trong tư tưởng tượng của con người, chứa đựng trong vô thức tập thể của cộng đồng nhân loại". Nói cách khác, cảm xúc là "những kinh nghiệm được lặp đi lặp lại nhiều lần của loài người", "Kho báu của nhân loại nằm trong tính đa dạng sáng tạo, nhưng nguồn gốc của tính sáng tạo lại nằm trong tính thống nhất sinh thành của nhân loại". Người đọc văn học theo lý thuyết cảm xúc thường dõi theo những biểu tượng, những motif lặp đi lặp lại nhiều lần, có ý nghĩa phổ quát trong các tác phẩm để thấy những ý nghĩa điển hình của nó trong văn hóa, văn chương nhân loại và dân tộc cũng như những ý nghĩa chuyên dịch, xung năng, tương tác của nó trong các tác phẩm, tác giả cụ thể.

Xin chỉ nói về một vài cảm xúc.

Trước hết là cảm xúc *Hành trình*, cụ thể thêm: cảm xúc *Đi và Lỡ bước*.

Hành trình, theo cách nhìn của lý thuyết cổ mẫu, “là tìm kiếm, tìm chân lý, bắt đầu và phát hiện một trung tâm tinh thần”. *Hành trình* “trở thành dấu hiệu và biểu tượng của sự luôn luôn khởi từ bên thân..., và còn kết luận rằng cuộc du hành duy nhất có giá trị là cuộc du hành của con người bên trong bên thân mình”. Nhân loại đã có bao nhiêu cuộc hành trình, đón đầu và vĩ đại: hành trình của Chúa, hành trình về đất Phật, hành trình về miền đất hứa, hành trình đời Ai Cập, hành trình của Don Quixote, vv... Nguyễn Bính đã đi đâu, về đâu? Trở lại với không khí xã hội thời Thơ mới, hành trình của Nguyễn Bính là hành trình của thi sĩ “giang hồ”, cô đơn, lỡ bước, khi dẫu cuối cùng “giấc mơ quan trạng”, “*Ngựa bạch buông chùng áo Trạng Nguyên*” (Xóm Ngự Viên) – lý tưởng của nho sĩ bình dân một thời, đã vĩnh viễn khép lại: “*Khoa cử bỏ rồi, thôi học Trạng*”, “*Lỡ duyên búi tóc cõ hanh/ Trường thi Nam Định biến thành trường bay*” (Con nhà nho cũ). *Anh đi đâu, anh về đâu/ Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm*. (Không đâu).

Câu hỏi không lời đáp. Nhịp thơ cũng theo cánh buồm, như dờn, rồi mất hút. Đến nhịp thơ cuối, không còn thấy màu nâu của cánh buồm. Nhịp thơ điệp mà không trùng. Đi mà không biết đi đâu! Về không biết về đâu. Như thân phận trên dòng sông cuộc đời mệnh mang, hoang vắng: “*Giang hồ ai biết đi đâu mà tìm*” (Giang hồ). Dễ hiểu vì sao thơ Nguyễn Bính hay nhắc nhiều đến con đò, bến đò, “chuyến đò thân thơ”, và sân ga, con tàu: “*Đò sang còn một chuyến này/ Khách sang còn một người đây hồi đò!*” (Người đi), “*Đem thân đi với giang hồ/ Sân ga phấp phấp lặng, bến đò lên đèn*” (Quê tôi). Đây là con đò quê, ga là ga xép. Cũng có khi là con sông trong tâm tưởng, chảy rất mạnh, rất mệnh mang trong văn hóa phương Đông: sông Tương, sông Dịch. Thời gian chủ yếu là buổi chiều và trong đêm: “*Càng chiều anh thấy con đường càng xa*” (Định mệnh), “*Tàu biết bây giờ chạy đến đâu/ Đêm sâu hoàn trở lại đêm sâu*” (Chuyến tàu đêm). Con tàu, sân ga trong thơ Nguyễn Bính thật buồn...

Nguyễn Bính cũng là một bóng người giữa những bóng người đi bóng xuống sân ga: “*bóng lẻ*”, “*Hai bóng chung lưng thành một*

bóng", "bóng liêu xiêu", "bóng nhòa trong bóng tối", "Một mình làm cả cuộc phân ly" (Những bóng người trên sân ga). Tường vàng, mái đỏ màu son/ Nhà ga lại chứa linh hồn nhà ga.

Cái "hiện đại" tường vàng, ngói đỏ bên ngoài cửa ga xép ai ngờ không dấu nên linh hồn cửa cuộc đời, thân phận, chia lìa và nước mắt. Màu sắc kỳ cửa tường, cửa ngói còn gọi cả những liên tưởng khác. Tường vàng, bên ngoài tưởng rực rỡ nhưng dường như đó cũng là màu cửa dáng hình, cuộc đời vàng vọt đang ngày càng phai pha. Và màu đỏ như son cửa mái ngói, còn gọi ánh mắt đỏ hoe, trái tim đỏ máu trước những chia lìa buồn bã, tiễn đưa vô định, đã và đang diễn ra. *Linh hồn nhà ga* là linh hồn cửa những cuộc hành trình đi và đến, những cuộc chia ly không hẹn ngày gặp lại, hành trình và chia ly sâu thẳm ngay chính trong thân và phận mỗi con người. Nguyễn Bính chính là một hành trình cô đơn như vậy, một nhà ga cô đơn như vậy!

Chẳng ngẫu nhiên, "*Lỡ bước sang ngang*", tên một bài thơ lại được đặt tên cho cả một tập thơ! Không chỉ người con gái "*lỡ bước sang ngang*", mà chính Nguyễn Bính và cả thế hệ những người như ông "*lỡ bước sang ngang*" trong hành trình kỳ, trên chuyến đò và sân sân ga kỳ: *Năm kỳ sang sông lỡ chuyến đò/ Đò đầy sóng lớn nước sông to/ Mười hai bến nước xa vắng lắm/ Lắm tự ngày xưa, lỡ đến giờ.*

Trong hành trình "*dan díu nợ giang hồ*", "*Tự mình đắp núi khơi sông/ Tự mình đầy đi tâm lòng mình đi*" (Đêm nay khơi tìm tìm đèn), "*tâm hồn tôi*", cái tôi đang tự đi tìm mình cửa Nguyễn Bính đến với rất nhiều nơi. Địa danh thực là Lạng Sơn, Vinh, Huế, Sài Gòn, ga Kép, v.v... Địa danh thực mà ảo, ảo mà thực hoặc hoàn toàn ảo thì nhiều hơn rất nhiều: "*Kinh thành*", "*Xóm Ngự Viên*", "*Mười hai bến nước*", "*Mây Tím*", "*Một nghìn cửa sổ*", "*Lưu hoa*", "*Rừng Mơ*", "*Rừng mai*", "*Bến mơ*", "*Vườn Tiên*", "*Suối Thiên Thai*", v.v... Ông phân thân thành cặp đôi lập: *Tráng sĩ – Thi sĩ*. Con người "*Tráng sĩ*" cửa ông, có lẽ, là "*cái rớt*" cuối cùng cửa kiểu nhà nho tài tử trong văn học Việt Nam trung đại. Con người kỳ vốn có cái chết hào hoa, kiêu bạc nhưng xuất hiện đã rất lu mờ và đầy cô đơn – cái cô đơn cửa

trắng sẫm không còn hợp thời, không bao giờ có “lúc khi hoàn thân gió bụi” (Lá thư vò Bức). Sông lạnh thây đâu người gọi gió,/ Trăng tà tìm mãi kẻ mài gương. (Xuân vãn tha hương). Đem theo cát bụi đường xa lại/ Trắng sẫm dừng chân kẻ thối dài. (Quán lạnh).

Con người “Thi sĩ” mới thực sự thể hiện “cái tôi” của Nguyễn Bính. Cũng như nhiều nhà thơ khác thời Thơ mới, Nguyễn Bính đến với Tình yêu, nhưng khác với nhiều nhà thơ khác, tiếng vọng của “vô thức tập thể”, của cộng đồng luôn tự nhiên dệt thành những vần thơ. Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ đã cụ thể hóa được cuộc sống vô thức của toàn nhân loại trong nhiều bài thơ tình yêu. Ông lý tưởng hóa tình yêu trong những bản chén, nhớ thương, day dứt. Và, như Platon, nhà triết học vĩ đại của nhân loại, đã nói: “khi tình yêu được chuyển dịch từ một lý tưởng sang một con người bằng xương bằng thịt”, từ ý niệm vĩnh cửu đến con người cụ thể, thì thực tế này lại đưa tới sự “bất cân đối với những điều thiêng liêng”. Vì thế, thơ tình của Nguyễn Bính cũng là hành trình Đi – Lỡ bước.

Nguyễn Bính có những vần thơ tương tự nỗi tiếng: *Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông,/ Một người chín nhớ mười mong một người* (Tương tư). *Giêng thơi mưa ngập nước tràn/ Ba gian đầy cỏ ba gian nằng chiêu* (Qua nhà). *Cô hái mơ ơi! Cô gái ơi/ Chàng trêu lời nhau lấy một lời!/ Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng/ Rừng mơ hiu hắt, lá mơ rơi...* (Cô hái mơ).

Ông vương quốc hóa, địa đàng hóa tình yêu: “*Ví chẳng có một nước Tình Ái/ Em làm hoàng hậu, anh làm vua*” (Ái khanh hành), “*Với người trong giấc mơ tiên/ Có chàng thi sĩ quê trên mây hồng*” (Mười hai bản nước), “*Huyền đâu phải hèn trăn/ Em không thẹn cá mà thuôn thẹn thơ*” (Xây hèn bán nguyệt). Nỗi nhớ, sự chờ mong tình yêu trong thơ ông được dệt bằng bao cảm xúc, bao biểu tượng, đi thẳng vào trái tim người: *Ví chẳng nhớ có như tơ nhện/ Em thẹn quay xem được mấy vòng?/ Ví chẳng nhớ có như vừng nhện/ Em thẹn lờ xem được mấy thưng?* (Nhớ).

Nguyễn Bính đi vào chính mình, nhờ đó đã nói được và nói rất

hay, rất sâu những biện chứng tâm hồn, những qui luật tình cảm, cái điếu của muôn thuở, muôn người: “*Mẹ cha thì nhớ thương mình/ Mình đi thương nhớ người tình xa xôi*” (Thư cho thày mẹ), “*Trời xanh còn khóc nữa là/ Nhớ nhà ít, nhớ người ta thì nhiều*” (Gặp nhau). Sống trong tâm lý tình yêu, cảm nhận về thời gian, không gian trong thơ ông rất đặc biệt, theo cách dân gian nhưng vẫn là duy nhất của riêng ông, độc bản: “*Láng giêng đã đổ đèn đầu/ Chờ em ăn dặm miêng trầu, em sang*” (Chờ nhau), “*Chờ mong như suốt đêm qua/ Chàng ơi! Một tháng là ba mươi ngày*”, “*Cách một ngày ngựa với ba ngày đò*” (Thư cho chị), “*Nhà em cách bốn quố đờ/ Cách ba ngọn suối, cách đôi cánh rừng*” (Xa cách), “*Thương như thỏ, nhớ làm sao/ Kinh thành biết có mưa rào đêm nay*” (Thương nhớ Kinh thành).

Tình yêu trong thơ Nguyễn Bính phần lớn là lỡ hẹn, ly biệt. Ông nhập thân, hóa thân thành cô gái trong “*Mưa xuân*”. Mưa ấy, từ những bông hoa bụi “phơi phới bay”, nhanh chóng chuyển thành “mưa nặng hạt”, những hạt mưa sâu tùi, tội nghiệp, bề bàng. Con đường dẫn với tình yêu tư tưởng gần, hóa ra là xa ngái: *Mình em lấm lũi trên đường vầy/ Có ngấn gì đâu một dãi đê/ Áo mỏng che đờ mưa nặng hạt/ Lạnh lùng thêm tùi với đêm khuya*.

Tình yêu trong thơ Nguyễn Bính cũng rất nhiều nước mắt biệt ly. Nơi cô đơn của ông đổ lớn đổ vũ trụ hóa, vô tận hóa những nỗi đau và cô đơn của con người: “*Nước mắt là cơm bữa/ Hợp tan như bèo trôi*” (Đố tặng anh), “*Đêm nay hai đứa chung tình ấy/ Khóc ướt trên gian đờ biệt nhau*” (Bạc tình)... Nhưng, đau khỉ, cô đơn nhất của ông, có lẽ vẫn là hành trình vô vọng đi tìm cái tôi của mình: “*Tôi tìm đâu thầy mình trời Thôn Tiên*”, “*Nhưng đau lòng biết bao nhiêu/ Người tôi yêu chớ biết yêu như người*” (Đào Nguyên), “*Thương tôi mình hiểu cho tôi nhé/ Mà chớ mình tôi mới hiểu tôi*” (Mười hai bốn nước). “*Cái tôi là không thể chia sẻ được*”. Và thực ra, chính ông cũng không hiểu bản thân mình, vì thế ông luôn luôn đi tìm mình. Rõ ràng, thơ Nguyễn Bính là “cuộc du hành của con người bên trong bản thân mình”. Hành trình ấy không bao giờ tới đích...

Nguyễn Bính là nhân vật điển hình của cặp phạm trù *gia đình – không gia đình* thời Thơ mới. Đây cũng là cội nguồn rất tiêu biểu của văn hóa và văn học nhân loại. Trong thơ Nguyễn Bính, mối *Không gia đình* luôn song hành với mối *Đi – Lỡ bước*. Với Nguyễn Bính, mối cô đơn từ ba tháng tuổi, “*Mẹ hiên mặt sớm, giời đày làm thơ*”, sự bùng nổ của cảm xúc *Không gia đình* càng nhức buốt: *Con đi mười mấy năm trời,/ Một thân bé bỏng, nòa đời gió sương./ .../ Thôi ơi! Đừng bán vườn chè/ Mẹ ơi! Đừng chặt cây lê con trồng* (Thư cho Thôi Mẹ).

Những câu thơ ấy như được viết bằng cô đơn, bằng nước mắt!

Yêu gia đình, nhưng Nguyễn Bính vẫn là, nói đúng hơn, vẫn phải là “con chim lửa đàn”: *Lạy đôi mắt mẹ đừng buồn,/ Ngày mai con lại lên đường ra đi* (Lại đi). *Hỡi ôi! Những kẻ lên đường/ Đang tâm đến cội cô đơn lại nhà* (Chia tay).

Nguyễn Bính có gần mười bài thơ gửi chị Trúc, nhân vật có bóng dáng trong đời thật nhưng cũng là nhân vật văn học (*Lỡ bước sang ngang, Một chiều say, Xây hạc bán nguyệt, Xây lại cuộc đời, Xuân tha hương, Xuân vẫn tha hương, Xuân lại tha hương, Khăn hồng, Chị đã ghen*). Phần vì chị Trúc đẹp, duyên dáng, gần gũi, phần nữa, và đây mới là căn nguyên chính, nhà thơ thấy từ đây hình bóng của người mẹ, của những người thân yêu, của niềm tựa tin cậy để gửi gắm, sẻ chia, bày những tâm sự, những nỗi niềm khó biết nói cùng ai: “*Em đi non nước xa khơi quá/ Mãi độ xuân vẫn bao nhớ thương!*” (Xuân vẫn tha hương), “*Chiều ba mươi, hết năm rồi/ Nhà tôi, riêng một mình tôi vắng nhà*” (Xuân vẫn nhớ cội hương). Chính từ tình sâu tâm thức của tình vọng *Không gia đình*, ông đã có những vần thơ tuyệt bút của thánh thơ: *Từ nay khi nhớ quê nhà/ Thôi mây Trời biết đó là thôn Vân* (Anh vẫn quê cũ).

Các nhân vật trữ tình trong thơ Nguyễn Bính phần lớn cũng trong trạng thái tình thần *Không gia đình*, cô đơn. Đó là cô sư nữ trẻ đẹp “*Có cô sư nữ người mong mong/ Buông thông dây gầu xuống giếng khơi*” (Chiều quê); cụ sư già ép thân xác đến với cô tịch, vô thường: “*Sư già quét lá sau chùa/ Để thiêu xác lá*

trước giờ lên chuông” (Chùa văng). Đó là tráng sĩ: “Đêm nay tráng sĩ không nơi trọ/ Nằm tạm qua đêm quán dọc đường” (Quán lạnh). Đặc biệt, điển hình cho số phận, tâm trạng Không gia đình chính là người phụ nữ trong Lữ bước sang ngang: “Mười năm gởi hận bên giường/ Mười năm nước mắt bữa thường thay canh”. Tiếng pháo, dây pháo nổ trong ngày cưới của các cô gái luôn gắn với tiếng thét dài của cô người trong cuộc và người ngoài cuộc. Cô đơn người mẹ cũng sống trong bốn chôn, khốc khoải lo âu với trạng thái Không gia đình của người con gái khi đưa con bước chân vào nhà chôn. Người mẹ gượng cứng cái, chôn động bao nhiêu trước mặt con, thì lại yếu mềm bấy nhiêu ngay khi bàn chân con bước khỏi nhà mình. Những câu thơ dưới đây cũng chính là “Huyền thoại mẹ”: Đưa con ra đôn của buồng thôi,/ Mẹ phôi xa con khờ mớ mười./ Con ạ! Đêm nay mình mẹ khóc,/ Đêm đêm, mình mẹ lại đưa thôi (Lòng mẹ).

Chỉ dôn một vài cái mẩu trong thơ Nguyễn Bính, đôn thấy thơ ông có những tưng sâu, ma lực thôn nào! Thơ Nguyễn Bính luôn là độc đáo, của riêng ông nhưng cũng là tâm trạng phổ quát, tiếng lòng của nhiều cá nhân không hề quen biết. Thơ Nguyễn Bính là thơ của nhiều người, nhiều nhà, nhiều thời. Những cái mẩu thức dậy, đan dệt độc đáo trong thơ ông đã góp phần làm cho thơ Nguyễn Bính không chỉ là tâm dân tộc mà còn thuộc tâm nhân loại.

4.

Khi chôn gửi cho tập thơ *Tâm hồn tôi* của Nguyễn Bính, nhà văn Thạch Lam thay mặt Hội đôn giám khảo “Gửi thư ông văn chương Tự lực văn đoàn, năm 1937”, đã nhận xét: “Ông Nguyễn Bính sẽ trở nên một văn sĩ có tương lai”. Còn nhà phê bình Phạm Mạnh Phan, người đương thời Thơ mới, đánh giá: “Nguyễn Bính đích thực là thi sĩ, có những câu thơ tuyệt diệu”. Một số nhà thơ, nhà phê bình sau này nhận thấy thơ Nguyễn Bính có những dấu hiệu, đặc điểm của thiên tài. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đặt câu hỏi và tự ông đã trả lời: “Cho đôn tận hôm nay, có nhà thơ lục bát nào mà nhân dân thuộc nhiều như Nguyễn Bính chưa?!”

Bây nhiêu côm nhận, đánh giá, càng cho thây Nguyễn Bính đã và sẽ là nhà thơ của nhiều thời.

[Nguyễn Văn nghệ số 32/2020](#)